



**TIÊU CHUẨN VÀ QUY TRÌNH
XÉT CÔNG NHẬN ĐẠT TIÊU CHUẨN
CHỨC DANH GIÁO SƯ, PHÓ GIÁO SƯ
NĂM 2024**
(Dành cho HĐGS cơ sở)

NỘI DUNG

- A. Một số thông tin về công tác xét công nhận đạt tiêu chuẩn chức danh Giáo sư, Phó giáo sư năm 2024;
- B. Căn cứ xét tiêu chuẩn chức danh Giáo sư, Phó giáo sư;
- C. Một số điểm quan trọng của Quyết định 37;
- D. Tiêu chuẩn chức danh Giáo sư, Phó giáo sư;
- E. Hồ sơ và quy trình xét công nhận đạt tiêu chuẩn chức danh Giáo sư, Phó giáo sư;
- F. Những nội dung liên quan khác;
- G. Một số lưu ý đối với các Biểu mẫu.
- H. Lưu ý khác

**A. MỘT SỐ THÔNG TIN VỀ CÔNG TÁC XÉT CÔNG NHẬN
ĐẠT TIÊU CHUẨN CHỨC DANH GS, PGS NĂM 2024 (1)**

- Thành lập 110 Hội đồng Giáo sư cơ sở năm 2024;
- Tổng số UV đăng ký: 1033 UV (93 UV GS; 940 UV PGS);
- + KV miền Bắc: 64 HĐGSCS, 534 UV đăng ký (45 UV GS, 489 UV PGS);
- + KV miền Trung: 09 HĐGSCS, 112 UV đăng ký (09 UV GS, 103 UV PGS);
- + KV miền Nam: 37 HĐGSCS, 387 UV đăng ký (39 UV GS, 348 UV PGS);
- HĐGSCS có số UV đăng ký nhiều nhất: 33 UV (07 UV GS, 26 UV PGS); HĐGSCS có số UV đăng ký ít nhất: 01 UV PGS;
- Số lượng HĐGS ngành, liên ngành xét hồ sơ trực tuyến: 05 HĐ (Công nghệ thông tin, Điện-Điện tử-Tự động hóa, Thủy lợi, Toán học, Vật lý).

**A. MỘT SỐ THÔNG TIN VỀ CÔNG TÁC XÉT CÔNG NHẬN
ĐẠT TIÊU CHUẨN CHỨC DANH GS, PGS NĂM 2024 (2)**

- **Năm 2023:** Tổng số ứng viên đã đăng ký: 985 ứng viên (115 ứng viên giáo sư; 870 ứng viên PGS);
- Số ứng viên nộp hồ sơ tại 102 HĐGS cơ sở: **824** ứng viên (90 ứng viên GS, 734 ứng viên PGS); Kết quả xét đạt tại HĐGSCS: 744 ứng viên (79 ứng viên GS, 665 ứng viên PGS);
- Số ứng viên được xét tại HĐGSN/LN: **728** ứng viên (75 ứng viên GS, 653 ứng viên PGS); Kết quả xét đạt tại HĐGSN/LN:
651 ứng viên (60 ứng viên GS, 591 ứng viên PGS);
- Số ứng viên được xét tại HĐGSNN: **631** ứng viên (58 ứng viên GS, 573 ứng viên PGS); Kết quả xét đạt tại HĐGSNN:
630 ứng viên (58 ứng viên GS, 572 ứng viên PGS);

**A. MỘT SỐ THÔNG TIN VỀ CÔNG TÁC XÉT CÔNG NHẬN
ĐẠT TIÊU CHUẨN CHỨC DANH GS, PGS NĂM 2024 (3)**

Kết quả xét 4 năm (2019-2023) – Nhiệm kỳ 2018-2023:

Tổng số ứng viên đã đăng ký: 3170 ứng viên (420 ứng viên GS; 2750 ứng viên PGS);

- Số ứng viên đạt kết quả xét tại HĐGSN/LN: **2613** ứng viên (345 ứng viên GS, 2268 ứng viên PGS);
- Số ứng viên đạt kết quả xét tại HĐGSNN: **2231** ứng viên (**253 ứng viên GS, 1978 ứng viên PGS**) trong đó khối QPAN đạt **133** ứng viên (**4 ứng viên GS, 129 ứng viên PGS**)

B. CĂN CỨ CHÍNH (1)

1. Quyết định số 37/2018/QĐ-TTg ngày 31/8/2018 được sửa đổi bổ sung một số điều tại **Quyết định số 25/2020/QĐ-TTg** ngày 31/8/2020 của Thủ tướng CP ban hành quy định tiêu chuẩn, thủ tục xét công nhận đạt tiêu chuẩn và bổ nhiệm chức danh GS, PGS; thủ tục xét hủy bỏ công nhận CD và miễn nhiệm CD GS, PGS;

2. Thông tư số 04/2019/TT-BGDĐT ngày 28/3/2019 ban hành Quy chế TC&HĐ của HĐGSNN, các HĐGS ngành, liên ngành và HĐGSCS được sửa đổi bổ sung một số điều tại **Thông tư số 06/2020/TT-BGDĐT** ngày 19/3/2020 của Bộ trưởng Bộ GD&ĐT

3. Quyết định số 64/2008/QĐ-BGDĐT ngày 28/11/2008, **Thông tư 47/2014/TT-BGDĐT** ngày 21/12/2014, **Thông tư 20/2020/TT-BGDĐT** ngày 27/07/2020 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo quy định chế độ làm việc đối với giảng viên.

B. CĂN CỨ CHÍNH (2)

1. **Thông tư 07/2015/TT-BGDĐT** ngày 16/4/2015 (có hiệu lực từ ngày 01/6/2015) và **Thông tư 17/2021/TT-BGDĐT** ngày 22/6/2021 (có hiệu lực từ ngày 07/8/2021) của Bộ trưởng Bộ GD&ĐT ban hành quy định về chuẩn chương trình đào tạo; xây dựng, thẩm định và ban hành chương trình đào tạo các trình độ của giáo dục đại học;

2. **Thông tư 04/2011/TT-BGDĐT** ngày 28/01/2011 (có hiệu lực từ ngày 15/3/2011) và **Thông tư 35/2021/TT-BGDĐT** ngày 06/12/2021 (có hiệu lực từ ngày 21/01/2022) của Bộ trưởng Bộ GD&ĐT ban hành quy định về việc biên soạn, lựa chọn, thẩm định, duyệt và sử dụng tài liệu giảng dạy, giáo trình giáo dục đại học.

C. Một số điểm quan trọng của Quyết định 37 (1)

I. Đối tượng là **giảng viên cơ hữu** và *GV thỉnh giảng* đang giảng dạy ở các CSGDĐH, viện nghiên cứu đào tạo trình độ TS, *cơ sở thực hành của CSGDĐH nhóm ngành sức khỏe của Việt Nam*.

II. Tiêu chuẩn bắt buộc phải có

- UV GS: đã được bổ nhiệm PGS; UV PGS: phải có bằng TS;
- Sản phẩm từ NCKH được tính điểm: Bài báo khoa học là tác giả chính đăng trên các TCKH quốc tế có uy tín hoặc (và) bằng độc quyền SC/GPHI; tác phẩm nghệ thuật, thành tích huấn luyện, thi đấu thể dục thể thao đạt giải thưởng quốc gia, quốc tế;
- Chủ trì nhiệm vụ KH&CN, hướng dẫn chính NCS/HVCH, nhưng không được tính điểm CTKH;
- Chủ trì biên soạn sách phục vụ đào tạo từ trình độ ĐH trở lên và tham gia Phát triển CTĐT là bắt buộc đối với UV GS;

C. Một số điểm quan trọng của Quyết định 37 (2)

III. Quy định trách nhiệm HĐGS các cấp

3.1. Hội đồng Giáo sư cơ sở (Điều 12):

- Thẩm định tính pháp lý, sự chuẩn xác của hồ sơ ứng viên;
- Xét các Đ.kiện theo quy định tại Điều 4, 5, 6 và 7 - Quyết định 37;
- Phối hợp với cơ sở GDĐH tổ chức đánh giá năng lực ngoại ngữ phục vụ công tác chuyên môn và khả năng giao tiếp bằng tiếng Anh;
- Phối hợp với người đứng đầu cơ sở GDĐH hoàn thiện hồ sơ, báo cáo kết quả xét lên HĐGSNN;

3.2. HĐGS ngành, liên ngành (Điều 16):

- Là bộ phận chuyên môn của HĐGSNN;
- Tổ chức thẩm định hồ sơ ứng viên và kết quả xét của HĐGSCS;
- Xác định năng lực chuyên môn, kết quả NCKH, định hướng nghiên cứu của ứng viên;
- Đánh giá, xác định các điều kiện tiêu chuẩn bắt buộc;
- Đánh giá **cho điểm các CTKH** theo quy định tại Điều 4, 5, 6 và 7;

C. Một số điểm quan trọng của Quyết định 37 (3)

3.2. HĐGS ngành, liên ngành (tiếp):

- Đánh giá khả năng giao tiếp bằng tiếng Anh của UV qua BCKH tổng quan và trao đổi, thảo luận với UV (ngành đặc thù, UV trình bày BCKHTQ bằng tiếng Việt, HĐGSN/LN phối hợp HĐGSNN tổ chức đánh giá trình độ giao tiếp bằng tiếng Anh của UV).
- Phối hợp với cơ quan nhà nước có thẩm quyền giải quyết các khiếu nại, tố cáo có liên quan.

3.3. Hội đồng Giáo sư nhà nước (Điều 14):

- Phê duyệt Danh mục tạp chí khoa học được tính điểm;
- rà soát, bổ sung, cập nhật biểu mẫu phụ lục II phù hợp với T.tiền;
- Chỉ đạo, kiểm tra, giám sát hoạt động của HĐGSCS, HĐGSNLN;
- Xem xét KQ xét của HĐGSCS, HĐGSNLN và bỏ phiếu tín nhiệm;
- Công nhận đạt tiêu chuẩn chức danh GS, PGS.
- Phối hợp với CQ nhà nước có thẩm quyền giải quyết khiếu nại, tố cáo về việc xét, bổ nhiệm, miễn nhiệm chức danh GS, PGS.

C. Một số điểm quan trọng của Quyết định 37 (4)

IV. Về trách nhiệm của thành viên HĐGS các cấp

+ Từng thành viên HĐGS ngành, liên ngành phải viết bản nhận xét (*nêu rõ điểm mạnh, điểm yếu về chuyên môn và kết luận UV có đủ hoặc không đủ điều kiện*) trước khi biểu quyết cho UV báo cáo khoa học tổng quan;

+ Biểu quyết bằng phiếu kín: Tại HĐGS cơ sở và HĐGS ngành, liên ngành phải đạt ít nhất 2/3 số phiếu của tổng số thành viên HĐ; tại HĐGSNN phải đạt ít nhất 1/2 số phiếu của tổng số thành viên HĐ.

D. Tiêu chuẩn chức danh Giáo sư, Phó giáo sư (1)

I. Quy định chung (Điều 4 - QĐ 37):

	Giáo sư (Điều 4, khoản 1 Điều 5)	Ph.giáo sư (Điều 4, khoản 1 Điều 6)
1. Đạo đức nghề nghiệp	Không vi phạm đạo đức nhà giáo, không đang trong thời gian bị kỷ luật từ hình thức khiển trách trở lên hoặc thi hành án hình sự; trung thực, khách quan trong đào tạo, NCKH và các hoạt động chuyên môn.	
2. Thời gian làm nhiệm vụ ĐT từ trình độ đại học trở lên đến ngày hết hạn nộp hồ sơ	a) Đủ theo quy định tại khoản 2 Điều 5: Được bổ nhiệm chức danh PGS ≥ 3 năm tính đến ngày hết hạn nộp hồ sơ 1/7/2024. b) Thời gian làm chuyên gia giáo dục tại cơ sở GDĐH nước ngoài được tính là thời gian đào tạo, nếu có: công hàm hoặc hợp đồng mời giảng của cơ sở GDĐH nước ngoài (ghi rõ nội dung công việc, thời gian giảng dạy); quyết định của Bộ trưởng BGDĐT cử đi làm chuyên gia giáo dục ở nước ngoài; c) Giảng viên có trên 10 năm liên tục làm nhiệm vụ đào tạo mà trong 03 năm cuối có ≤ 12 tháng đi thực tập, nâng cao trình độ \Rightarrow không tính là gián đoạn.	Đủ theo quy định khoản 2, khoản 3 Điều 6: Có thâm niên đào tạo ≥ 6 năm trong đó 03 năm cuối liên tục tính đến ngày hết hạn nộp hồ sơ 1/7/2024.
3. Hoàn thành nhiệm vụ và số giờ chuẩn GD	Đủ theo quy định của Bộ GD&ĐT (có ít nhất 1/2 số giờ chuẩn giảng dạy là trực tiếp trên lớp); Đối với GV thỉnh giảng phải thực hiện ít nhất 50% định mức giờ chuẩn giảng dạy \Rightarrow phải kèm xác nhận, đánh giá bằng văn bản của người đứng đầu cơ sở GDĐH.	
4. Ngoại ngữ	Thành thạo ít nhất một ngoại ngữ phục vụ chuyên môn; có khả năng giao tiếp bằng tiếng Anh.	

D. Tiêu chuẩn chức danh Giáo sư, Phó giáo sư (2)

Chú ý về Định mức giờ chuẩn giảng dạy:

- Quyết định số 64/2008/QĐ-BGDĐT ngày 28/11/2008:

Chức danh giảng viên	Khung định mức giờ chuẩn giảng dạy	
	Quy định chung cho các môn	Môn GD thể chất, QP-AN các trường không chuyên
GS và giảng viên cao cấp	360	500
PGS và giảng viên chính	320	460
Giảng viên	280	420

- Thông tư 47/2014/TT-BGDĐT ngày 31/12/2014 (Hiệu lực từ 25/3/2015): Định mức giờ chuẩn/giảng viên/năm học là 270 giờ chuẩn; trong đó, giờ chuẩn trực tiếp trên lớp chiếm tối thiểu 50%;
- Thông tư 20/2020/TT-BGDĐT ngày 27/7/2020, (Hiệu lực từ 11/9/2020): Thủ trưởng CSGDDH quy định định mức giờ chuẩn GD của GV/năm học trong khoảng 200 - 350 giờ chuẩn GD.

D. Tiêu chuẩn chức danh Giáo sư, Phó giáo sư (3)

Lưu ý về Định mức giờ chuẩn giảng dạy (2):

- *Minh chứng cần thiết:*

- Theo QĐ64 và TT47 (Hiệu lực từ 25/3/2015 đến 11/9/2020): Phòng đào tạo xác định rõ môn học, số giờ, học kỳ, năm học; Hợp đồng và thanh lý hợp đồng giảng dạy (GVTG); xác nhận của Thủ trưởng CSGDDH (mẫu 2); Định mức giờ chuẩn/giảng viên/năm học là 270 giờ chuẩn; trong đó, giờ chuẩn trực tiếp trên lớp chiếm tối thiểu 50%;
- Theo TT 20/2020/TT-BGDĐT (Hiệu lực từ 11/9/2020): **Minh chứng** như trên và thêm Quyết định của Thủ trưởng CSGDDH về định mức giờ chuẩn GD của giảng viên/năm học.

D. Tiêu chuẩn chức danh Giáo sư, Phó giáo sư (4)

Lưu ý về Định mức giờ chuẩn giảng dạy (3):

• **Số giờ chuẩn giảng dạy quy định tại TT20:**

*Trên cơ sở Thông tư 20, Thủ trưởng CSGDDH phải ra Quyết định về Chế độ làm việc của giảng viên (200 - 350 giờ chuẩn/GV/năm) áp dụng trong Cơ sở đào tạo, không chấp nhận các quyết định dưới hình thức khác, như Quy chế chi tiêu nội bộ, phân chia phúc lợi, ...;

*Nếu cơ CSĐT chưa ra Quyết định về Chế độ làm việc của giảng viên theo quy định tại Thông tư 20 thì áp dụng định mức giờ giảng của giảng viên là 270 giờ/năm (theo quy định TT47);

*Các đối tượng được miễn giảm giờ giảng phải đúng theo quy định tại Thông tư 20;

*Tỷ lệ miễn giảng giờ giảng đối với các đối tượng không được vượt quá quy định tại Thông tư 20.

D. Tiêu chuẩn chức danh Giáo sư, Phó giáo sư (5)

II. Quy định riêng (Điều 5, 6 - QĐ 37):

Giáo sư (Điều 5)	Phó giáo sư (Điều 6)
<p>K2. Bổ nhiệm PGS \geq 03 năm;</p> <p>- Chưa đủ 03 năm, không đủ số giờ chuẩn GD => phải ít nhất gấp hai lần điểm công trình KH quy định tại điểm b khoản 9 Điều này.</p>	<p>K2. Phải có bằng TS đủ 03 năm trở lên kể từ ngày ký quyết định cấp bằng tính đến ngày hết hạn nộp hồ sơ.</p>
<p>K3. Đã chủ trì hoặc tham gia phát triển chương trình đào tạo từ trình độ đại học trở lên hoặc nhiệm vụ khoa học và công nghệ được cấp có thẩm quyền thẩm định và đưa vào sử dụng.=> Bắt buộc phải có.</p>	<p>K3. Có ít nhất 06 năm, trong đó phải có 03 năm cuối liên tục tham gia đào tạo, bồi dưỡng từ trình độ ĐH trở lên tính đến ngày hết hạn nộp hồ sơ;</p> <p>Không đủ 06 năm và không đủ số giờ chuẩn GD => phải có ít nhất gấp hai lần điểm CTKH quy định tại điểm b khoản 8 Điều này.</p>

D. Tiêu chuẩn chức danh Giáo sư, Phó giáo sư (6)

Lưu ý về minh chứng (1):

- **06 năm tham gia đào tạo:** Tính từ ngày có văn bản chính thức làm GV đến ngày hết hạn nộp HS; Đối với Giảng viên thỉnh giảng tính từ khi có Hợp đồng thỉnh giảng đầu tiên với Cơ sở GDĐH.

- **Tham gia phát triển CTĐT** (Bắt buộc đối với ứng viên GS):

+ *Thông tư 07/2015/TT-BGDĐT ngày 16/4/2015, gồm:* Quyết định thành lập tổ soạn thảo; Quyết định thành lập HĐ thẩm định; Biên bản chi tiết cuộc họp của HĐ thẩm định; Quyết định ban hành CTĐT.

D. Tiêu chuẩn chức danh Giáo sư, Phó giáo sư (7)

- **Minh chứng: Xây dựng và Phát triển CTĐT:**

+ *Theo TT 07/2015/TT-BGDĐT ngày 16/4/2015, gồm:* Quyết định thành lập Tổ soạn thảo; QĐ thành lập HĐ thẩm định; Biên bản chi tiết cuộc họp của HĐ thẩm định; QĐ ban hành CTĐT.

+ *Theo TT 17/2021/TT-BGDĐT ngày 22/6/2021, Hiệu lực từ 07/8/2021, gồm:* Quyết định thành lập HĐ xây dựng CTĐT; Quyết định thành lập HĐ thẩm định; Biên bản chi tiết cuộc họp của HĐ thẩm định; Quyết định ban hành và áp dụng CTĐT.

+ *Đánh giá, cải tiến chất lượng CTĐT (Thông tư 17/2021/TT-BGDĐT):* Văn bản thành lập Tổ Rà soát, đánh giá, cập nhật CTĐT; Văn bản đề xuất của Tổ Rà soát về cải tiến, cập nhật CTĐT, kèm đường link công khai trên Trang TTĐT của CSĐT; Văn bản công bố của Hiệu trưởng về CTĐT mới sau khi được đánh giá và cập nhật.

D. Tiêu chuẩn chức danh Giáo sư, Phó giáo sư (8)

	Giáo sư (Điều 5)	Phó giáo sư (Điều 6)
<p>4. Công bố kết quả nghiên cứu khoa học. CTKH: bài báo khoa học hoặc (và) bằng độc quyền sáng chế; giải pháp hữu ích; tác phẩm nghệ thuật, thành tích huấn luyện, thi đấu thể dục thể thao đạt giải thưởng Q.té</p>	<p>Tiêu chuẩn bắt buộc:</p> <p>a) Là tác giả chính đã công bố được ít nhất 05 CTKH: <i>Bài báo KH; bằng độc quyền SC; GP hữu ích; TP nghệ thuật, TT huấn luyện, thi đấu thể dục thể thao đạt giải thưởng quốc tế;</i></p> <p>Không đủ CTKH => phải có ít nhất 03 trong số các CTKH nêu trên và 02 chương sách phục vụ ĐT do một NXB có uy tín trên thế giới XB hoặc có ít nhất 03 trong số các CTKH và 02 sách chuyên khảo do một NXB có uy tín xuất bản.</p>	<p>Tiêu chuẩn bắt buộc:</p> <p>a) Là tác giả chính đã công bố được ít nhất 03 CTKH: <i>BBKH; bằng ĐQSC; GPHI; TP nghệ thuật, TT huấn luyện, thi đấu TDTT đạt giải thưởng quốc tế;</i></p> <p>Không đủ CTKH => có ít nhất 02 trong số các công trình nêu trên và 01 chương sách phục vụ ĐT do một NXB có uy tín trên thế giới XB hoặc có ít nhất 02 trong số các công trình nêu trên và 01 sách chuyên khảo do một NXB có uy tín xuất bản;</p>

D. Tiêu chuẩn chức danh Giáo sư, Phó giáo sư (9)

Lưu ý, Khoản 3, Điều 2 QĐ 37: “Bài báo khoa học” là CTKH của tác giả đã được công bố trên tạp chí KH có mã số chuẩn QT ISSN, thể hiện rõ ý tưởng khoa học, nội dung cần thiết của vấn đề NC, tình hình NC trong nước và quốc tế, những đóng góp chính về lý thuyết và ứng dụng; phương pháp, phương tiện nghiên cứu, nguồn tư liệu trích dẫn và tài liệu tham khảo.

Quy định riêng với UVCD Giáo sư (Điều 5)

Biên soạn sách phục vụ đào tạo từ trình độ đại học trở lên =>
Yêu cầu bắt buộc

K5. Chủ trì biên soạn sách phục vụ đào tạo từ trình độ đại học trở lên phù hợp với chuyên ngành xét công nhận đạt tiêu chuẩn chức danh giáo sư.

D. Tiêu chuẩn chức danh Giáo sư, Phó giáo sư (10)

Lưu ý minh chứng về sách phục vụ đào tạo:

- **Sách chuyên khảo/tham khảo/hướng dẫn:** Quyền sách; xác nhận sử dụng sách của Thủ trưởng CSGDH; xem xét đã được sử dụng?

- **Sách giáo trình:** + TT 04/2011/TT-BGDĐT ngày 28/01/2011:

* **Biên soạn giáo trình:** 1) Sách GT; 2) Văn bản thành lập Ban biên soạn hoặc giao nhiệm vụ; 3) QĐ thành lập Hội đồng thẩm định; 4) Biên bản thẩm định; 5) Văn bản đưa giáo trình in ấn, xuất bản.

* **Lựa chọn giáo trình:** 1) Sách GT; 2) Văn bản thành lập HĐ lựa chọn GT; 3) Biên bản họp của HĐ; 4) Quyết định chọn GT đã lựa chọn đề GD, HT.

+ TT 35/2021/TT-BGDĐT ngày 06/12/2021, hiệu lực 21/01/2022:

* **Biên soạn GT:** 1) Sách GT; 2) Văn bản giao nhiệm vụ, đặt hàng hoặc đấu thầu biên soạn GT; 3) QĐ thành lập HĐ thẩm định; 4) Biên bản thẩm định; Văn bản về việc xuất bản GT.

* **Lựa chọn sách đã xuất bản làm GT:** 1) Sách GT; 2) Văn bản thành lập HĐ thẩm định; 3) Biên bản thẩm định; 4) Quyết định chọn sách làm giáo trình phục vụ giảng dạy.

D. Tiêu chuẩn chức danh Giáo sư, Phó giáo sư (11)

	Giáo sư (Điều 5)	Phó giáo sư (Điều 6)
Nhiệm vụ khoa học và công nghệ (NVKHCN)	K6. - Chủ trì thực hiện ít nhất 02 NVKHCN cấp bộ hoặc 01 NVKHCN cấp quốc gia đã nghiệm thu kết quả từ đạt yêu cầu trở lên. - Không đủ 02 NVKHCN cấp bộ (thiếu 01) => được thay thế = 01 CTKH.	K5. - Chủ trì thực hiện ít nhất 02 NVKHCN cấp cơ sở hoặc 01 NVKHCN cấp Bộ đã nghiệm thu kết quả từ đạt yêu cầu trở lên. - Không đủ 02 NVKHCN cấp cơ sở (thiếu 01) => được thay thế bằng 01 CTKH.

D. Tiêu chuẩn chức danh Giáo sư, Phó giáo sư (12)

Lưu ý về Đề tài khoa học:

- Các minh chứng: Quyết định giao đề tài với UV là chủ trì, Biên bản nghiệm thu hoặc quyết định công nhận kết quả thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ.

- Đề tài có thuộc lĩnh vực chuyên ngành đăng ký của ứng viên;

- Số đề tài khoa học hoàn thành sau PGS/TS.

- Tương đương đề tài khoa học cấp Bộ

+ Đề tài Nafosted;

+ Đề tài khoa học cấp Tỉnh/Thành phố do Chủ tịch/Phó chủ tịch Tỉnh/Thành phố ký trong kế hoạch của Sở Khoa học và Công nghệ;

+ Đề tài cấp Đại học quốc gia Hà Nội tương đương đề tài cấp Bộ;

+ Đề tài cấp Đại học Quốc gia Thành Phố Hồ Chí Minh: Đề tài loại A, B tương đương cấp Bộ; Đề tài loại C tương đương cấp cơ sở;

+ Đề tài cấp ĐH Thái Nguyên, ĐH Huế, ĐH Đà Nẵng nghiệm thu theo 02 cấp (Cấp cơ sở và cấp đại học) tương đương đề tài cấp Bộ.

D. Tiêu chuẩn chức danh Giáo sư, Phó giáo sư (13)

	Giáo sư (Điều 5)	Phó giáo sư (Điều 6)
Tiêu chuẩn hướng dẫn NCS và HV cao học:	<p>K7. Hướng dẫn chính ít nhất 02 NCS được cấp bằng TS theo quy định của pháp luật.</p> <p>- Không hướng dẫn đủ 02 NCS: được sử dụng 03 CTKH thay thế cho 01 NCS còn thiếu.</p>	<p>K6. H.dẫn ít nhất 02 HV được cấp bằng ThS hoặc h.dẫn chính hoặc phụ ít nhất 01 NCS được cấp bằng TS.</p> <p>- Với ngành KHSK, hướng dẫn 01 HV bảo vệ thành công LV chuyên khoa hoặc bác sĩ nội trú = hướng dẫn 01 HV được cấp bằng ThS;</p> <p>- Không hướng dẫn đủ 02 HV hoặc NCS: được sử dụng 01 CTKH thay thế cho 01 HV còn thiếu.</p>

D. Tiêu chuẩn chức danh Giáo sư, Phó giáo sư (14)

Lưu ý minh chứng về hướng dẫn NCS/HVCH:

- + Quyết định giao nhiệm vụ hướng dẫn TS/ThS (phải đầy đủ tên của học viên, người hướng dẫn và thời hạn thực hiện);
- + Bản sao công chứng văn bằng TS/ThS của học viên hoặc Quyết định của cấp có thẩm quyền về việc công nhận TS/ThS và cấp bằng.
- + Chú ý các quyết định gia hạn học tập của NCS/HVCH: Trong thời gian gia hạn này, người hướng dẫn không được tính giờ hướng dẫn.

D. Tiêu chuẩn chức danh Giáo sư, Phó giáo sư (15)

	Giáo sư (Điều 5)	Phó giáo sư (Điều 6)
Bài báo khoa học quy định tại Điều 5 và Điều 6	K8. Được công bố trên các tạp chí KHQT có uy tín từ sau khi được công nhận đạt tiêu chuẩn chức danh PGS.	K7. Được công bố trên các tạp chí KHQT có uy tín từ sau khi ứng viên bảo vệ thành công luận án tiến sĩ.

D. Tiêu chuẩn chức danh Giáo sư, Phó giáo sư (16)

III. Cơ cấu điểm quy đổi

CHỈ TIÊU		GS (K9, Điều 5)	PGS (K8, Điều 6)
Tổng điểm		≥ 20	≥ 10
Trong đó: 3 năm cuối		≥ 5	$\geq 2,5$
Lĩnh vực: KHTN, KT&CN, KHSK	Điểm từ bài báo KH; bằng độc quyền sáng chế; giải pháp hữu ích.	≥ 12 Chưa đủ 03 năm/không đủ giờ chuẩn GD: ≥ 24	≥ 6 Chưa đủ 06 năm/không đủ giờ chuẩn GD: ≥ 12
	Sách phục vụ đào tạo (điểm c, khoản 9, Điều 5) <u>Trong đó:</u> Giáo trình hoặc (và) Chuyên khảo	$\geq 3,0$ $\geq 1,5$	

D. Tiêu chuẩn chức danh Giáo sư, Phó giáo sư (17)

CHỈ TIÊU		GS (K9, Điều 5)	PGS (K8, Điều 6)
Lĩnh vực: KHXH & NV, NT, TDTT	Điểm từ bài báo KH, giải pháp hữu ích; tác phẩm nghệ thuật, thành tích huấn luyện, thi đấu TDTT đạt giải thưởng quốc gia, quốc tế.	≥ 8 Chưa đủ 03 năm/không đủ giờ chuẩn GD: ≥ 16	≥ 4 Chưa đủ 06 năm/không đủ giờ chuẩn GD: ≥ 8
	Sách phục vụ đào tạo (điểm c, khoản 9, Đ. 5) <u>Trong đó:</u> Giáo trình hoặc (và) Chuyên khảo	$\geq 5,0$ $\geq 2,5$	

D. Tiêu chuẩn chức danh Giáo sư, Phó giáo sư (18)

Lưu ý về tổng điểm:

1. Ứng viên GS chưa đủ 03 năm, không đủ số giờ chuẩn GD:

a) Lĩnh vực: KHTN, KT&CN, KHSK: Tổng điểm ≥ 32

Điểm từ bài báo KH, bằng độc quyền SC, GPII: ≥ 24

b) Lĩnh vực: KH&NV, NT, TDTT: Tổng điểm ≥ 28

Điểm từ bài báo KH; GPII; tác phẩm nghệ thuật, thành tích huấn luyện, thi đấu TDTT đạt giải thưởng QG, quốc tế: ≥ 16

2. Ứng viên PGS chưa đủ 06 năm, không đủ số giờ chuẩn GD:

a) Lĩnh vực: KHTN, KT&CN, KHSK: Tổng điểm ≥ 16

Điểm từ bài báo KH, bằng độc quyền SC, GPII: ≥ 12

b) Lĩnh vực: KH&NV, NT, TDTT: Tổng điểm ≥ 14

Điểm từ bài báo KH; GPII; Tác phẩm nghệ thuật, thành tích huấn luyện, thi đấu TDTT đạt giải thưởng QG, quốc tế : ≥ 8

D. Tiêu chuẩn chức danh Giáo sư, Phó giáo sư (19)

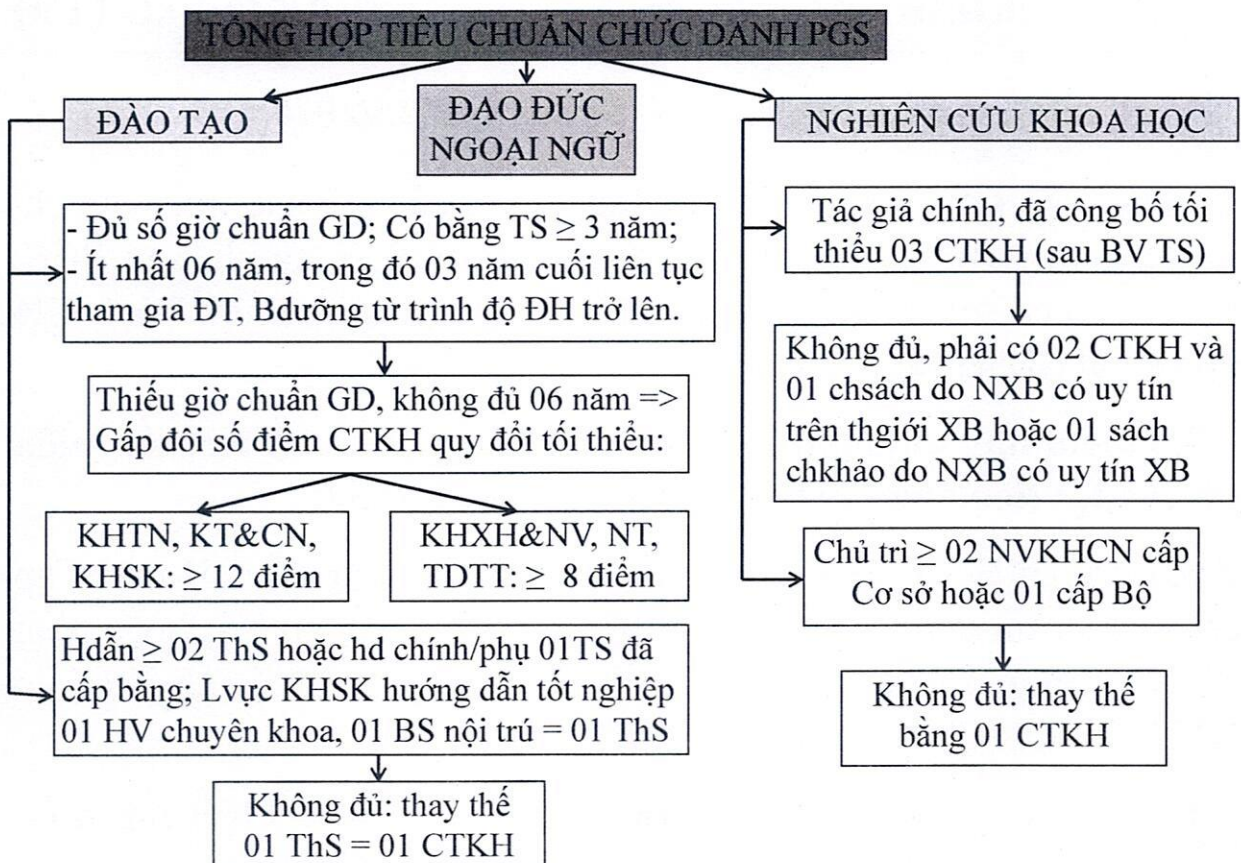
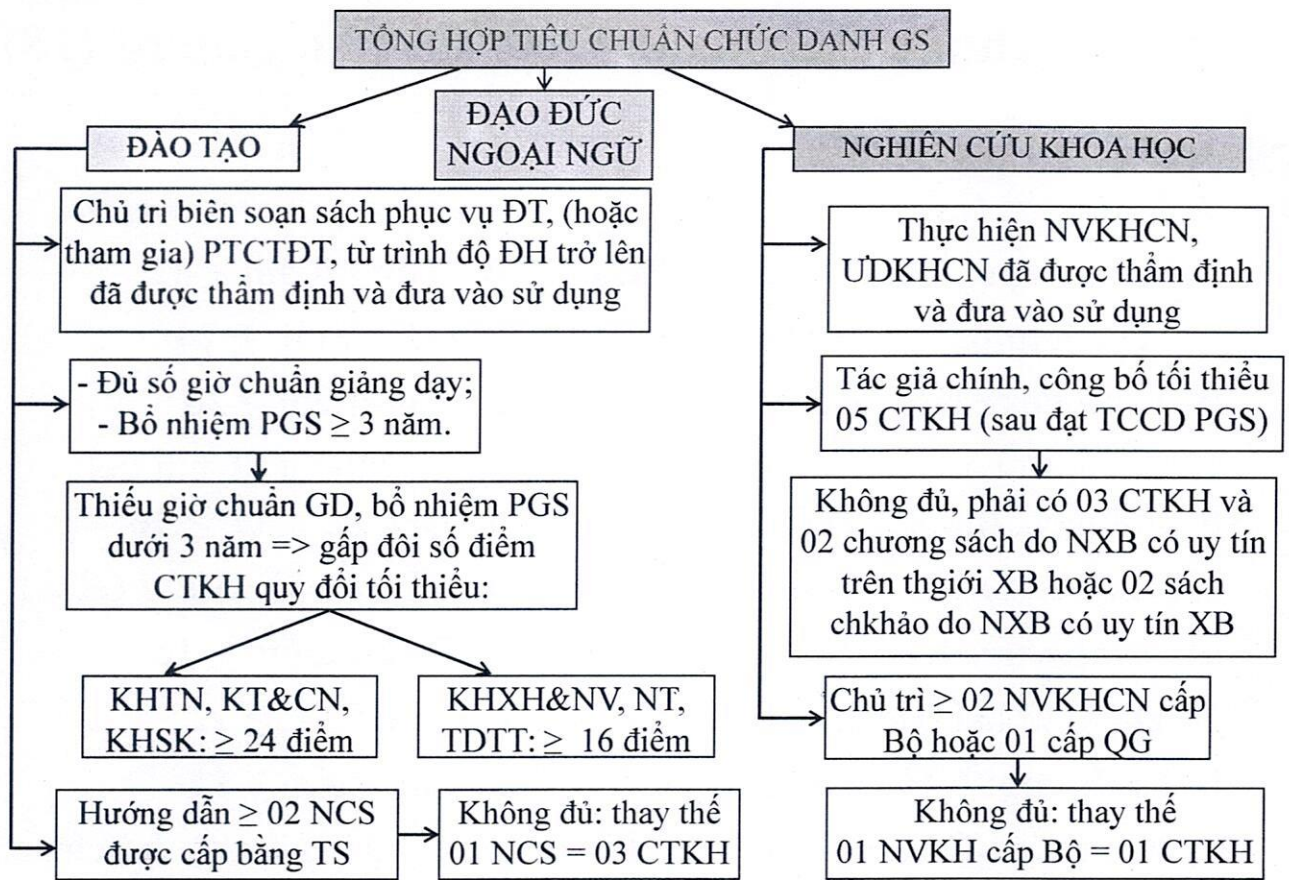
IV. Riêng ngành KHAN, KHQS theo QĐ 25/2020/QĐ-TTG

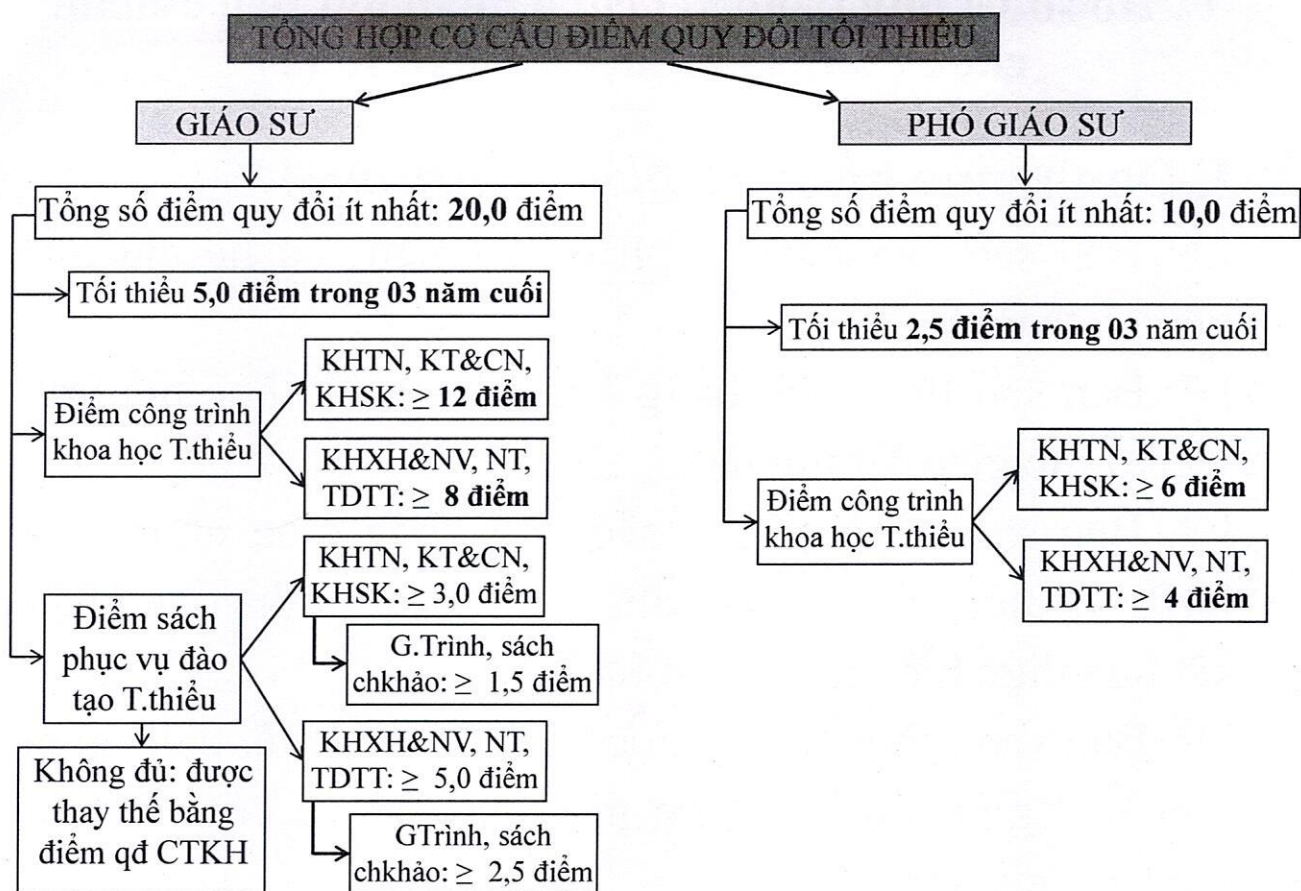
1. Ứng viên GS: Phải có **7,5 điểm** tính từ các bài báo trên Tạp chí KH uy tín (BBUT) của ngành do UV là tác giả chính, sau PGS; hoặc phải có **tối thiểu 4,5 điểm** từ BBUT như trên và **02 Sách CK** do NXBUT của Ngành xuất bản sau PGS.

7,5 điểm này không được tính vào **Tổng điểm CTKH** tối thiểu để xét đạt tiêu chuẩn chức danh **GS** theo QĐ 37.

2. Ứng viên PGS: Phải có **4,5 điểm** tính từ điểm các BB trên Tạp chí KH uy tín của ngành do UV là tác giả chính, sau TS; hoặc phải có **tối thiểu 3,0 điểm** từ BBUT như trên và **01 Sách CK** do NXBUT của Ngành xuất bản sau TS.

4,5 điểm này không được tính vào **Tổng điểm CTKH** tối thiểu để xét đạt tiêu chuẩn chức danh **PGS** theo QĐ 37.





E. Hồ sơ và quy trình xét công nhận đạt tiêu chuẩn chức danh giáo sư, phó giáo sư (1)

I. Danh mục hồ sơ (1-Điều 9 Quyết định 37/2018/QĐ-TTg)

I.1. Bản đăng ký xét công nhận đạt tiêu chuẩn CD GS, PGS (Mẫu số 01 Phụ lục II).

I.2. Bản sao Quyết định công nhận hoặc bổ nhiệm CD PGS hoặc Bản sao bằng TS.

I.3. Bản sao văn bằng, chứng chỉ thành thạo ngoại ngữ theo khoản 5 Điều 2.

I.4. Bản sao quyết định hoặc hợp đồng thỉnh giảng đối với GV thỉnh giảng.

I.5. Bản nhận xét của người đứng đầu CSGDDH về kết quả ĐT và NCKH (Mẫu 02 Phụ lục II).

E. Hồ sơ và quy trình xét công nhận đạt tiêu chuẩn chức danh giáo sư, phó giáo sư (2)

I. Danh mục hồ sơ (2-Điều 9 – tiếp theo)

- I.6. Bản sao các quyết định giao nhiệm vụ hướng dẫn tiến sĩ, thạc sĩ.
- I.7. Bản sao bằng TS, bằng ThS của người học mà ứng viên được giao hướng dẫn.
- I.8. Bản sao quyết định hoặc hợp đồng giao nhiệm vụ KHCN; Biên bản nghiệm thu hoặc quyết định công nhận kết quả thực hiện nhiệm vụ KHCN.
- I.9. Bản sao (chụp) bằng độc quyền sáng chế, giải pháp hữu ích, giải thưởng quốc gia, quốc tế và các tài liệu minh chứng kèm theo.

E. Hồ sơ và quy trình xét công nhận đạt tiêu chuẩn chức danh giáo sư, phó giáo sư (3)

I. Danh mục hồ sơ (3-Điều 9 – tiếp theo)

- I.10. Bản sao công hàm hoặc hợp đồng mời giảng dạy của CSGDDH nước ngoài có ghi rõ thời gian làm chuyên gia và QĐ cử đi làm chuyên gia giáo dục ở nước ngoài của BGD&ĐT Việt Nam.
- I.11. Bản BCKH tổng quan (Mẫu số 03 Phụ lục II).
- I.12. Bản chụp BBKH đã công bố, sách phục vụ ĐT đã được thẩm định và nghiệm thu theo quy định.
- I.13. Giấy xác nhận mục đích sử dụng sách, giấy xác nhận tham gia xây dựng, PTCTĐT hoặc chương trình NC, UDKHCN của người đứng đầu cơ sở giáo dục đại học.
- I.14. Các bản sao phải được chứng thực hoặc công chứng theo quy định của pháp luật.

E. Hồ sơ và quy trình xét công nhận đạt tiêu chuẩn chức danh giáo sư, phó giáo sư (4)

II. Hình thức, quy cách bộ hồ sơ đăng ký (1-Điều 10)

II.1. Bộ hồ sơ được quy định như sau:

- a) Hồ sơ được in, chụp trên giấy A4, đóng bìa, có mục lục và đánh số trang;
- b) Bộ HS đóng thành hai tập: Tập I gồm các tài liệu quy định từ khoản 1 - khoản 11 Điều 9; tập II gồm các bài báo KH, sách phục vụ đào tạo sắp xếp theo từng loại công trình, thứ tự thời gian và tài liệu quy định tại khoản 12, khoản 13 Điều 9 (Mẫu số 04 Phụ lục II).
- c) HS được số hóa thành tài liệu điện tử định dạng PDF và đăng ký trực tuyến trên Trang TTĐT tử của CSGDĐH (nơi nhận hồ sơ) và trên Trang TTĐT của HĐ Giáo sư nhà nước.

E. Hồ sơ và quy trình xét công nhận đạt tiêu chuẩn chức danh giáo sư, phó giáo sư (5)

II. Hình thức, quy cách bộ hồ sơ đăng ký (2-Điều 10)

II.2. BCKH tổng quan về việc thực hiện nhiệm vụ quy định (khoản 11 Điều 9) được trình bày dưới dạng một CTKH, trình bày ý tưởng KH, hướng NC chính, PPNC, kết quả ĐT&NC từ sau khi có bằng/quyết định cấp bằng TS *hoặc* từ sau khi được bổ nhiệm chức danh PGS. BCKH tổng quan không quá 10 trang giấy A4.

II.3. Ứng viên chịu trách nhiệm về tính pháp lý, sự chuẩn xác của hồ sơ và các văn bản sao chụp; cung cấp bản chính hoặc tài liệu gốc để đối chiếu khi CQ có thẩm quyền yêu cầu.

II.4. Các CTKH, bằng độc quyền sáng chế, giải pháp hữu ích của cơ quan có liên quan đến nội dung bí mật nhà nước, bí mật quốc phòng, an ninh phải được bảo vệ theo quy định của pháp luật và thực hiện theo quy định của cơ quan nhà nước có thẩm quyền.

E. Hồ sơ và quy trình xét công nhận đạt tiêu chuẩn chức danh giáo sư, phó giáo sư (6)

III. Thủ tục đăng ký (1-Điều 11)

3.1. Ứng viên là GV cơ hữu của CSGDDH nộp trực tiếp hoặc qua bưu điện: 01 bản đăng ký kèm 02 ảnh chân dung (4 cm x 6 cm); Hồ sơ quy định tại khoản 1 Điều 10 tại HĐGSCS của đơn vị mình và đăng ký HS điện tử trực tuyến trên Trang TTĐT của CSGDDH và Trang TTĐT của HĐGSNN.

3.2. Ứng viên là GV cơ hữu của CSGDDH không thành lập HĐGSCS và ứng viên là GV thỉnh giảng nộp trực tiếp hoặc qua bưu điện: 01 bản đăng ký kèm 02 ảnh chân dung (4 cm x 6 cm); một bì thư ghi đầy đủ địa chỉ của UV ở phần người nhận; Hồ sơ quy định tại khoản 1 Điều 10 tại HĐGSCS do ứng viên lựa chọn và đăng ký hồ sơ điện tử trực tuyến trên Trang TTĐT của CSGDDH (nơi nhận hồ sơ) và trên Trang TTĐT của HĐGSNN.

E. Hồ sơ và quy trình xét công nhận đạt tiêu chuẩn chức danh giáo sư, phó giáo sư (7)

III. Thủ tục đăng ký (2-Điều 11 – Tiếp theo)

3.3. Hồ sơ điện tử của ứng viên phải công khai trên Trang Thông tin điện tử của CSGDDH (nơi nhận hồ sơ) và Trang Thông tin điện tử của HĐGSNN.

3.4. Các công trình khoa học của ứng viên có nội dung liên quan đến bí mật nhà nước phải có xác nhận của thủ trưởng cơ quan có thẩm quyền và không công khai trên Trang Thông tin điện tử.

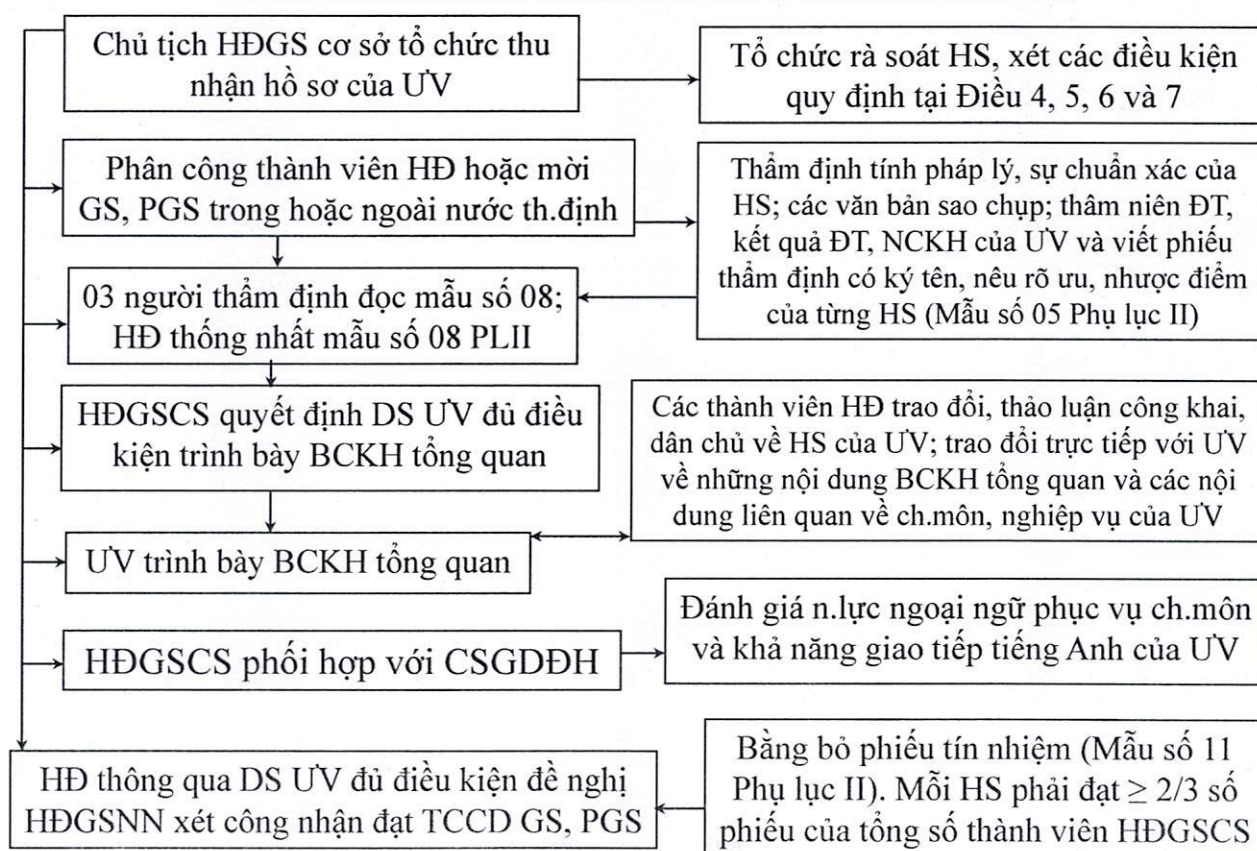
F. Nguyên tắc làm việc của Hội đồng Giáo sư các cấp (1)

I. Nguyên tắc làm việc (Điều 18, Quyết định 37)

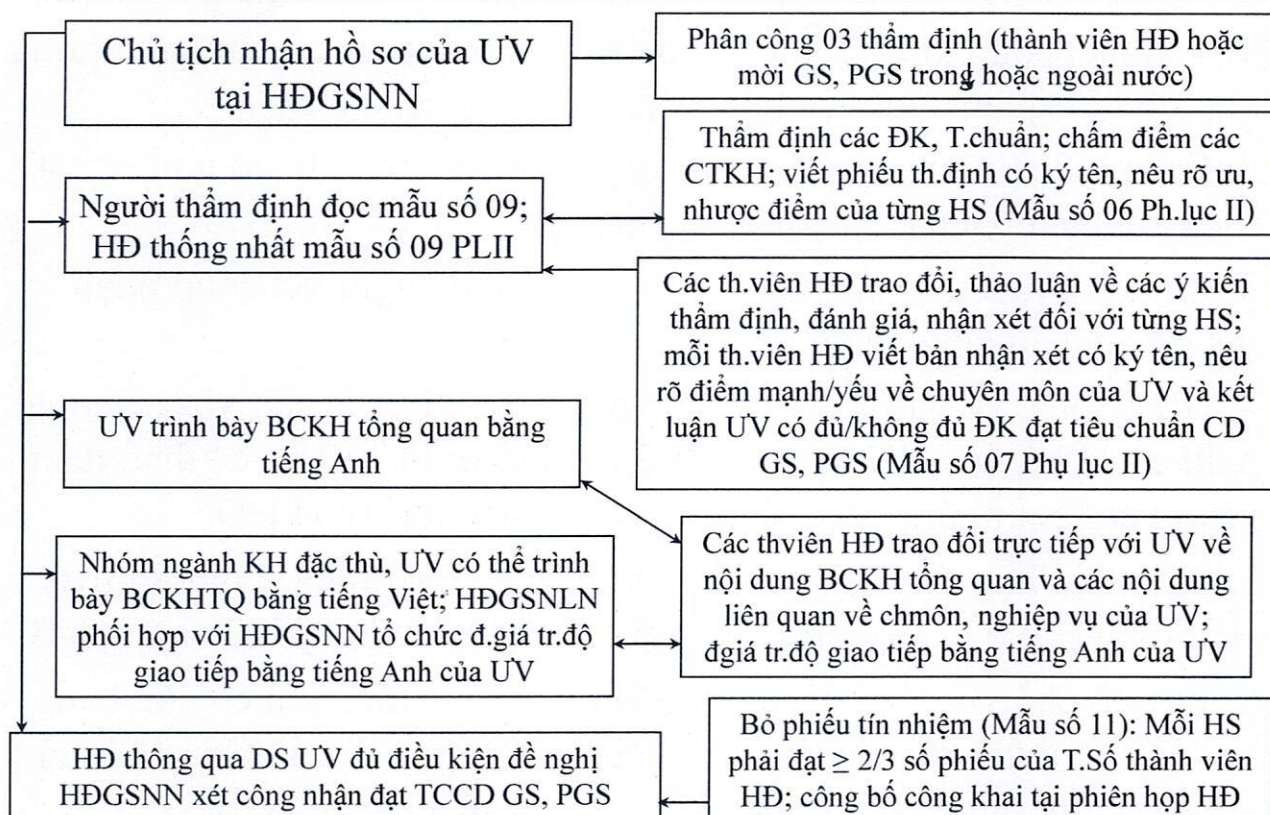
1. Tập thể, công khai, dân chủ tại các phiên họp để quyết nghị những vấn đề liên quan đến việc thực hiện nhiệm vụ của HĐ.
2. Các phiên họp của HĐGS các cấp chỉ tiến hành khi có ít nhất 3/4 tổng số thành viên của Hội đồng dự họp.
3. Chỉ bỏ phiếu một lần cho ứng viên được đề nghị xét công nhận đạt tiêu chuẩn chức danh giáo sư, phó giáo sư.
4. HĐGSNN, HĐGSNLN tổ chức họp định kỳ hoặc đột xuất theo đề nghị của Chủ tịch HĐ hoặc của trên 1/2 tổng số TVHĐ để thảo luận và quyết nghị những VĐ liên quan đến hoạt động của HĐ.
5. Các cuộc họp định kỳ hoặc đột xuất của HĐGSNN, Thường trực HĐGSNN có thể: Họp trực tiếp, qua mạng hoặc lấy ý kiến bằng VB.
6. Việc tổ chức họp lại để xét cho UV chỉ thực hiện khi có văn bản của CQ có thẩm quyền kết luận việc xét CN đạt TCCD GS, PGS đã vi phạm quy định của PL hiện hành (Mẫu số 13 Phụ lục II).

II. QUY TRÌNH XÉT DUYỆT

2.1. Trình tự xét tại CSGDDH (khoản 2 Điều 12)



2.2. Trình tự xét tại HĐGS ngành/liên ngành (khoản 1, 2, 3, 4, 5 Điều 19)



3. NỘI DUNG THỰC HIỆN TRONG CÁC PHIÊN HỌP (1)

1. Công tác chuẩn bị

1.1. Chủ tịch HĐGS tổ chức tiếp nhận Hồ sơ của ứng viên đăng ký xét công nhận đạt tiêu chuẩn GS, PGS tại Cơ sở GDĐH (đối với HĐGSCS); tại Văn phòng HĐGSNN (đối với HĐGSN/LN);

1.2. Chủ tịch HĐGS phân công thành viên Hội đồng hoặc mời các GS, PGS ở trong hoặc ngoài nước để thẩm định Hồ sơ ứng viên.

- Mỗi hồ sơ đăng ký xét chức danh GS phải có ít nhất 03 GS cùng ngành, chuyên ngành khoa học với UV thẩm định;

- Mỗi hồ sơ đăng ký xét chức danh PGS phải có ít nhất 03 GS hoặc PGS cùng ngành, chuyên ngành khoa học với UV thẩm định;

3. NỘI DUNG THỰC HIỆN TRONG CÁC PHIÊN HỌP (2)

- **Đối với HDGSCS:** Chuyên gia thẩm định có trách nhiệm thẩm định về kết quả xét tại HĐGS, đánh giá và chấm điểm các công trình khoa học quy đổi của ứng viên, có nhận xét, đánh giá và ký tên về các nhiệm vụ quy định tại Điều 3, các quy định tại Phiếu thẩm định Hồ sơ (Mẫu số 5A hoặc 5B) và Bản trích ngang (Mẫu số 8A hoặc 8B), Phụ lục II của Quyết định 37 và Quyết định 25;

Chú ý: Các biểu mẫu ký hiệu A đối với HĐGS 26 HĐGS xét theo QĐ 37;

Các biểu mẫu ký hiệu B đối với 2 HĐGS khối QPAN xét theo QĐ 25.

- **Đối với HDGSN/LN:** Chuyên gia thẩm định có trách nhiệm thẩm định về kết quả xét tại HĐGS, đánh giá và chấm điểm các công trình khoa học quy đổi của ứng viên, có nhận xét, đánh giá và ký tên về các nhiệm vụ quy định tại Điều 3, các quy định tại Phiếu thẩm định Hồ sơ (Mẫu số 6A hoặc 6B) và Bản trích ngang (Mẫu số 9A hoặc 9B), Phụ lục II của Quyết định 37 và Quyết định 25;

3. NỘI DUNG THỰC HIỆN TRONG CÁC PHIÊN HỌP (3)

2. Phiên họp 1: Thẩm định Hồ sơ UV (*Chủ tịch Hội đồng chủ trì*)

1. Hội đồng thảo luận và thống nhất về các tiêu chuẩn và quy chế xét đạt tiêu chuẩn năm 2024 (có ghi biên bản). Nếu thấy cần thiết có thể ban hành Nghị quyết để thống nhất các nội dung thảo luận trong quá trình xét;

2. Nhận xét về hồ sơ ứng viên: 03 Chuyên gia thẩm định lần lượt báo cáo kết quả thẩm định trước HĐGS (Đối với HDGSCS: Mẫu số 5A hoặc 5B; Đối với HDGSN/LN: Mẫu số 6A hoặc 6B) và Bản trích ngang các tiêu chuẩn của ứng viên (Đối với HDGSCS: Mẫu số 8A hoặc 8B; Đối với HDGSN/LN: Mẫu số 9A hoặc 9B); trong trường hợp người thẩm định vắng mặt, Chủ tịch Hội đồng ủy quyền Thư ký Hội đồng đọc báo cáo kết quả thẩm định; Thành viên Hội đồng ghi kết quả thẩm định vào Bản trích ngang do Thư ký chuẩn bị.

3. NỘI DUNG THỰC HIỆN TRONG CÁC PHIÊN HỌP (4)

2. Phiên họp 1: Thẩm định Hồ sơ UV (Tiếp)

3. Hội đồng thẩm định tập thể: Các thành viên Hội đồng trao đổi, thảo luận công khai, dân chủ làm rõ về các ý kiến thẩm định, đánh giá, nhận xét đối với từng Hồ sơ ứng viên. Hội đồng thống nhất ghi kết quả thẩm định vào Bản trích ngang các tiêu chuẩn của ứng viên (cột D).

4. Sau khi thẩm định hết các Hồ sơ ứng viên, Hội đồng xem xét giải quyết về đơn thư khiếu nại, tố cáo (nếu có);

Hội đồng trao đổi, thảo luận công khai từng Hồ sơ ứng viên đủ điều kiện được báo cáo khoa học tổng quan và ứng viên đạt tiêu chuẩn về năng lực ngoại ngữ để biểu quyết thông qua danh sách ứng viên đủ điều kiện được trình bày Báo cáo khoa học tổng quan.

Chú ý: Ứng viên là thành viên HĐGSN/LN nếu đăng ký xét công nhận đạt tiêu chuẩn chức danh giáo sư thì không tham gia trao đổi, thảo luận về hồ sơ của mình.

3. NỘI DUNG THỰC HIỆN TRONG CÁC PHIÊN HỌP (5)

3. Phiên họp 2: Báo cáo khoa học tổng quan và Bổ phiếu tín nhiệm

1. Ứng viên trình bày Báo cáo khoa học tổng quan bằng tiếng Anh (Bản báo cáo khoa học tổng quan của UV được gửi đến các thành viên của HĐ và có Bản trình chiếu khi UV báo cáo).

2. Các thành viên Hội đồng trao đổi, thảo luận trực tiếp với ứng viên về những nội dung trình bày trong Báo cáo khoa học tổng quan và các nội dung liên quan về chuyên môn, nghiệp vụ của ứng viên. Thông qua trình bày Báo cáo khoa học tổng quan, trao đổi, thảo luận Hội đồng đánh giá năng lực tiếng Anh giao tiếp của ứng viên (Đối với HĐGSN/LN).

3. NỘI DUNG THỰC HIỆN TRONG CÁC PHIÊN HỌP (6)

Lưu ý:

- HĐGSN/LN không thành lập Hội đồng hoặc Tổ đánh giá tiếng Anh giao tiếp (HĐGS ngành QPAN có quy định riêng);

- Thời gian tối thiểu thực hiện mục 3.1 và 3.2: khoảng 45 phút đối với UV GS; 30 phút đối với UV PGS.

3.3. Hội đồng trao đổi, thảo luận, biểu quyết công khai thông qua danh sách từng ứng viên đủ điều kiện được đưa vào bỏ phiếu tín nhiệm.

3. NỘI DUNG THỰC HIỆN TRONG CÁC PHIÊN HỌP (7)

4. **Đối với HĐGSN/LN:** Trên cơ sở đánh giá thẩm định hồ sơ và Báo cáo khoa học tổng quan, trao đổi thảo luận với ứng viên, mỗi thành viên Hội đồng viết bản nhận xét có ký tên, nêu rõ điểm mạnh, điểm yếu, về chuyên môn của ứng viên và kết luận ứng viên có đủ hoặc không đủ điều kiện để công nhận đạt tiêu chuẩn GS, PGS (Mẫu số 7); các thành viên Hội đồng nộp Phiếu nhận xét, đánh giá ứng viên (Mẫu số 7) cho Chủ tịch Hội đồng trước khi bỏ phiếu tín nhiệm. Chủ tịch Hội đồng niêm phong Bản nhận xét (Mẫu số 7) chuyên về HĐGSNN khi nộp Hồ sơ theo quy định.

5. Thành lập Ban kiểm phiếu (tối thiểu 03 thành viên).

3. NỘI DUNG THỰC HIỆN TRONG CÁC PHIÊN HỌP (8)

6. Bỏ phiếu tín nhiệm (đánh dấu X vào cột đồng ý hoặc không đồng ý), thành viên Hội đồng ký và ghi rõ Họ tên vào phiếu tín nhiệm.

7. Trưởng ban kiểm phiếu công bố kết quả (Biên bản kiểm phiếu theo Mẫu số 11); ứng viên đạt tiêu chuẩn chức danh GS, PGS phải có ít nhất 2/3 số phiếu đồng ý của tổng số thành viên HĐGS.

8. HĐGS công bố công khai kết quả bỏ phiếu tín nhiệm cho ứng viên.

Chú ý: Việc bỏ phiếu tín nhiệm cho UV chỉ được thực hiện 1 lần.

3. NỘI DUNG THỰC HIỆN TRONG CÁC PHIÊN HỌP (9)

3. Những điểm cần lưu ý:

1) Các ô trong bản trích ngang (các mẫu 8A, 8B, 9A, 9B) phải được điền đầy đủ thông tin và thông tin phải bảo đảm tương thích giữa các ô.

2) UV đạt tiêu chuẩn GS, PGS khi số phiếu tín nhiệm đạt trên tổng số thành viên HĐ: HĐGS cơ sở $\geq 2/3$, HĐGS ngành $\geq 2/3$, HĐGSNN $\geq 1/2$ (với điều kiện $\geq 3/4$ tổng số thành viên dự họp ở mỗi HĐ).

3) Tỷ lệ phiếu tín nhiệm tính trên tổng số thành viên Hội đồng; Lịch họp và bỏ phiếu tín nhiệm của HĐGS các cấp phải được thông báo sớm để tất cả các thành viên được biết, kịp xếp lịch tham dự đầy đủ;

3. NỘI DUNG THỰC HIỆN TRONG CÁC PHIÊN HỌP (10)

3. Những điểm cần lưu ý: (tiếp)

- 4) Ủy viên Thư ký HĐGS ngành có nhiệm vụ trực tiếp ghi chép biên bản.
- 5) Sau khi biên bản được thông qua trước HĐ, Chủ tịch HĐ có trách nhiệm quản lý, giữ bí mật và nộp về Văn phòng HĐGSNN.
- 6) Tổ giúp việc tham dự các buổi họp của HĐ chỉ khi được Chủ tịch HĐGS cho phép và không giúp sao chép các biên bản đã nói trên.
- 7) HĐGS cơ sở, HĐGS ngành và HĐGSNN không bảo lưu kết quả đối với các UV chưa đạt cho đợt xét sau.

F. Nguyên tắc làm việc của Hội đồng Giáo sư các cấp (1)

II. Công khai kết quả xét ở HĐGSCS và HĐGSNLN

HỘI ĐỒNG GIÁO SƯ CƠ SỞ (khoản 3 Điều 12)	HỘI ĐỒNG GIÁO SƯ NGÀNH, LN (khoản 6 Điều 19)
<ul style="list-style-type: none">- Chủ tịch tổ chức tổng hợp kết quả xét của HĐ; công khai trên trang TTĐT của CSGDDH và BC kết quả xét lên người đứng đầu CSGDDH- Sau công khai ≥ 15 ngày, người đứng đầu CSGDDH báo cáo kết quả xét lên HĐGSNN.	<ul style="list-style-type: none">- Công khai kết quả xét của HĐ ít nhất 15 ngày trên Trang TTĐT của HĐGSNN trước khi báo cáo kết quả xét lên HĐGSNN;- Nội dung công khai: tổng điểm và điểm quy đổi từ các bài báo KH, sách phục vụ đào tạo; bằng độc quyền SC/GPHI; tác phẩm nghệ thuật, thành tích huấn luyện, thi đấu thể thao đạt giải thưởng quốc gia, quốc tế.

F. Nguyên tắc làm việc của Hội đồng Giáo sư các cấp (2)

III. Tài liệu, hồ sơ cần nộp về Văn phòng HĐGSNN (1)

Hồ sơ BC kết quả xét của CSGDDH (Khoản 4 Điều 12)	Hồ sơ BC kết quả xét của HĐGSN, LN (Khoản 7 Điều 19)
a) Công văn của người đứng đầu CSGDDH đề nghị HĐGSNN xét công nhận đạt TCCD GS, PGS cho UV; b) Báo cáo kết quả xét của HĐGSCS (Mẫu số 14 Phụ lục II) c) Danh sách UV được đề nghị xét công nhận đạt TCCD GS, PGS; d) Bản trích ngang các tiêu chuẩn của các UV (Mẫu số 08); đ) Biên bản chi tiết các cuộc họp của HĐ (Mẫu số 12);	a) Báo cáo về KQ xét của Chủ tịch HĐGSN, LN (Mẫu số 14); b) Danh sách UV được đề nghị công nhận đạt TCCD GS, PGS; c) Bản trích ngang các tiêu chuẩn của các UV (Mẫu số 09); d) Biên bản chi tiết các cuộc họp của HĐ (Mẫu số 12); đ) Bản thẩm định hồ sơ của ứng viên có ký tên của người thẩm định;

F. Nguyên tắc làm việc của Hội đồng Giáo sư các cấp (3)

III. Tài liệu, hồ sơ cần nộp về Văn phòng HĐGSNN (2)

Hồ sơ BC kết quả xét của CSGDDH (Khoản 4 Điều 12)	Hồ sơ BC kết quả xét của HĐGS ngành, LN (Khoản 7 Điều 19)
e) Phiếu thẩm định có ký tên đối với từng hồ sơ; g) Biên bản kiểm phiếu và phiếu tín nhiệm của thành viên Hội đồng (Mẫu số 11); h) Bộ hồ sơ in trên giấy của UV được đề nghị công nhận đạt TCCD GS, PGS.	e) Bản nhận xét của thành viên Hội đồng đối với từng hồ sơ của ứng viên (Mẫu số 07); g) Biên bản kiểm phiếu và phiếu tín nhiệm của thành viên HĐ (Mẫu số 11); h) Bộ hồ sơ in trên giấy của ứng viên được đề nghị công nhận đạt tiêu chuẩn chức danh GS, PGS.

Lưu ý: Nếu có UV đăng ký xét đặc cách theo quy định tại Điều 21 thì nộp thêm: Báo cáo của Chủ tịch HĐGSCS/HĐGSNN về thành tích những đóng góp nổi trội cho sự nghiệp KH-CN của đất nước và thế giới của ứng viên.

F. Nguyên tắc làm việc của Hội đồng Giáo sư các cấp (4)

IV. Trình tự xét tại Hội đồng Giáo sư nhà nước (1-Điều 20)

1. Chủ tịch HĐGSNN tổ chức họp để Chủ tịch HĐGS ngành, liên ngành báo cáo kết quả xét và trả lời chất vấn của thành viên HĐGSNN.
2. Thành viên HĐGSNN trao đổi, thảo luận công khai, dân chủ về kết quả thẩm định hồ sơ và việc tổ chức xét của HĐGS ngành, liên ngành.
3. Bầu Ban kiểm phiếu và tiến hành bỏ phiếu (Mẫu số 11, Phụ lục II) đối với kết quả xét của HĐGS ngành, liên ngành và danh sách ứng viên đủ điều kiện được công nhận đạt TCCD GS, PGS. Kết quả bỏ phiếu phải đạt trên 1/2 tổng số thành viên HĐGSNN đồng ý.

F. Nguyên tắc làm việc của Hội đồng Giáo sư các cấp (4)

IV. Trình tự xét tại HĐGS nhà nước (2-Điều 20 – tiếp)

4. HĐGSNN thông qua Nghị quyết kỳ họp, công bố kết quả trên Trang TTĐT của HĐGSNN và Cổng TTĐT tử của BGD&ĐT.
5. Công nhận đạt tiêu chuẩn chức danh giáo sư, phó giáo sư:
 - a) Căn cứ Nghị quyết của kỳ họp, sau thời hạn 15 ngày công bố kết quả, Chủ tịch HĐGSNN ký quyết định công nhận và cấp giấy chứng nhận đạt TCCD GS, PGS cho các ứng viên. Hết thời hạn 05 năm kể từ ngày có quyết định công nhận đạt TC, nếu UV không được bổ nhiệm CD GS, PGS tại CSGDDH thì QĐ này hết hiệu lực;

Lưu ý: Nếu có trường hợp xét đặc biệt theo Điều 21, thì phải báo cáo Thủ tướng Chính phủ xem xét trước khi quyết định.

- b) HĐGSNN có trách nhiệm gửi quyết định kèm theo DS GV được công nhận đạt TCCD GS, PGS tới BGD&ĐT, các CSGDDH, các tổ chức, cá nhân có liên quan và báo cáo Thủ tướng Chính phủ.

G. NHỮNG NỘI DUNG KHÁC (1)

I. CTKH được tính điểm quy đổi (1-Điều 7)

1.1. CTKH quy đổi bao gồm:

- a) Bài báo khoa học;
- b) Kết quả nghiên cứu, ứng dụng KH-CN được cấp bằng độc quyền sáng chế trong nước, quốc tế;
- c) Giải pháp hữu ích được ứng dụng có hiệu quả trong thực tiễn quản lý nhà nước, trong đổi mới quản lý và phát triển kinh tế - xã hội;
- d) Sách để đào tạo, bồi dưỡng từ trình độ đại học trở lên đã được cấp có thẩm quyền thẩm định, nghiệm thu và sử dụng; chương sách do NXB có uy tín trên thế giới xuất bản;
- đ) Báo cáo KH được xuất bản toàn văn trong kỷ yếu có mã số chuẩn quốc tế ISBN của hội thảo khoa học quốc gia, quốc tế;
- e) Tác phẩm nghệ thuật (sáng tác âm nhạc, sân khấu, điện ảnh, múa, mỹ thuật, kiến trúc và công trình biểu diễn nghệ thuật), thành tích huấn luyện, thi đấu TDTT đạt giải thưởng quốc gia, quốc tế.

G. NHỮNG NỘI DUNG KHÁC (2)

I. Công trình khoa học được tính điểm quy đổi (2-Điều 7)

1.2. Mỗi loại *công trình khoa học phải có nội dung phù hợp với ngành, chuyên ngành đăng ký* và được tính bằng điểm quy đổi theo Phụ lục I, Quyết định 37. Tính điểm quy đổi căn cứ vào chất lượng khoa học; đối với các bài báo KH, căn cứ vào hệ số ảnh hưởng của tạp chí, chỉ số trích dẫn của bài báo.

1.3. CTKH có nội dung trùng lặp với công trình khác từ $\geq 30\%$ chỉ tính điểm quy đổi một lần.

1.4. **Không tính:** Bài đăng báo và sách phổ biến khoa học, tóm tắt kết quả nghiên cứu, báo cáo tổng kết, tổng quan, nhận xét, đánh giá, dịch thuật.

G. NHỮNG NỘI DUNG KHÁC (3)

II. Cách tính điểm quy đổi cho các CTKH (Điều 8)

- Có nhiều tác giả tham gia thì tác giả chính được hưởng 1/3 số điểm;
- Số điểm còn lại được chia theo giá trị đóng góp của mỗi người kể cả tác giả chính;
- Trường hợp không thể xác định cụ thể thì số điểm còn lại được chia đều cho từng người tham gia.

Chú ý: Xác định tư cách tác giả chính đối với các bài báo có nhiều tác giả liên hệ?

G. NHỮNG NỘI DUNG KHÁC (4)

III. Phụ lục 1. Cách tính điểm các CTKH quy đổi (được sửa đổi tại Quyết định số 25/2020/QĐ-TTg ngày 31/8/2020):

- Thống nhất nguyên tắc tính điểm các công trình khoa học: Chỉ quy định điểm tối đa (giới hạn trên) đối với các công trình khoa học, giới hạn dưới phụ thuộc vào chất lượng của công trình khoa học, bảo đảm tính hợp hiến hợp pháp ở Việt Nam... Cụ thể:
 - + Bài báo KH công bố trên tạp chí khoa học quốc tế có uy tín được tính tối đa 2,0, nếu có IF, hệ số trích dẫn vượt trội được cộng tối đa 50%;
 - + Bằng độc quyền sáng chế được tính tối đa đến 3,0 điểm;
 - + Giải pháp hữu ích ứng dụng có hiệu quả - tính tối đa đến 2,0 điểm.
- Báo cáo khoa học có trong danh mục của Web of Science và Scopus được tính điểm như bài báo khoa học, nhưng không được coi là bài báo khoa học công bố trên tạp chí quốc tế có uy tín.

H. Một số lưu ý đối với các Biểu mẫu (1)

(Kèm theo công văn số 82/HĐGSNN ngày 18/5/2022 của Chủ tịch HĐGSNN)

1. Mẫu số 01. Bản đăng ký, lưu ý kê khai:

- Mục A.13: Các hướng nghiên cứu chủ yếu cần phải phù hợp với các hướng nghiên cứu trong BCKH tổng quan.
- Về giờ giảng (Bảng B.2): Ghi rõ số giờ chuẩn GD trực tiếp trên lớp, số giờ chuẩn GD quy đổi, số giờ chuẩn định mức (theo QĐ64, TT47, TT20) của từng năm học, ví dụ **180/310/270**; Không tính giờ hướng dẫn NCS, HVCH của năm quá hạn.

Lưu ý: + Từ ngày 11/9/2020, áp dụng Thông tư số 20/2020/TT-BGDĐT ngày 27/7/2020, số giờ chuẩn định mức theo quy định của CSGDDH.

+ Khi upload Mẫu số 1, UV cần upload cả file pdf và file word.

STT	Nội dung minh chứng	Danh sách file đã tải lên	Tác vụ
1.1a	Bản đăng ký xét công nhận đạt tiêu chuẩn chức danh giáo sư, phó giáo sư (file PDF) (Mẫu số 01 CV số 32 /HĐGSNN ngày 20/5/2021)	1. giai3procon.pdf	
1.1b	Bản đăng ký xét công nhận đạt tiêu chuẩn chức danh giáo sư, phó giáo sư (file Word) (Mẫu số 01 CV số 32 /HĐGSNN ngày 20/5/2021)	1. k20.docx	

Đóng

H. Một số lưu ý đối với các Biểu mẫu (1)

(Kèm theo công văn số 82/HĐGSNN ngày 18/5/2022 của Chủ tịch HĐGSNN)

1. Mẫu số 01. Bản đăng ký, lưu ý kê khai:

- Mục A.13: Các hướng nghiên cứu chủ yếu cần phải phù hợp với các hướng nghiên cứu trong BCKH tổng quan.
- Về giờ giảng (Bảng B.2): Ghi rõ số giờ chuẩn GD trực tiếp trên lớp, số giờ chuẩn GD quy đổi, số giờ chuẩn định mức (theo QĐ64, TT47, TT20) của từng năm học, ví dụ **180/310/270**; Không tính giờ hướng dẫn NCS, HVCH của năm quá hạn.

Lưu ý: + Từ ngày 11/9/2020, áp dụng Thông tư số 20/2020/TT-BGDĐT ngày 27/7/2020, số giờ chuẩn định mức theo quy định của CSGDDH.

+ Khi upload Mẫu số 1, UV cần upload cả file pdf và file word.

STT	Nội dung minh chứng	Danh sách file đã tải lên	Tác vụ
1.1a	Bản đăng ký xét công nhận đạt tiêu chuẩn chức danh giáo sư, phó giáo sư (file PDF) (Mẫu số 01 CV số 32 /HĐGSNN ngày 20/5/2021)	1. giai3procon.pdf	
1.1b	Bản đăng ký xét công nhận đạt tiêu chuẩn chức danh giáo sư, phó giáo sư (file Word) (Mẫu số 01 CV số 32 /HĐGSNN ngày 20/5/2021)	1. k20.docx	

Đóng

H. Một số lưu ý đối với các Biểu mẫu (1)

(Kèm theo công văn số 82/HĐGSNN ngày 18/5/2022 của Chủ tịch HĐGSNN)

1. Mẫu số 01 – Tiếp theo

- Về biên soạn sách (Bảng B.5): Làm rõ chủ biên và phần biên soạn;
- Về bài báo khoa học: Phải được xuất bản trước ngày 1/7/2024; có liên hệ chặt chẽ với hướng NC; cần nêu rõ tác giả chính, loại tạp chí;
- + Bảng B.7.1a cần làm rõ: loại tạp chí quốc tế, số lần trích dẫn (nếu có); số lượng bài báo đăng trên TCQTUT, là tác giả chính sau PGS/TS.
- + Bảng B.7.1.b: Dành cho chuyên ngành theo Quyết định 25, chú ý đánh dấu các tạp chí KH thuộc danh mục uy tín của ngành; số lượng bài báo đăng trên tạp chí khoa học uy tín của ngành sau PGS/TS.

Lưu ý: Các BBKH trên tạp chí trong danh mục *Predatory Journals, Beal List, Open access...*, sẽ được thẩm định kỹ về chất lượng.

- Về tiêu chuẩn không đủ (Mục B.9): UV tự xác định tiêu chuẩn không đủ và đề xuất công trình khoa học thay thế;

Lưu ý: Các CTKH thay thế tiêu chuẩn không đủ về HD và đề tài KH không được tính điểm quy đổi của ứng viên (tránh tính trùng 2 lần).

G. Một số lưu ý đối với các Biểu mẫu (2)

(Kèm theo công văn số 82/HĐGSNN ngày 18/5/2022 của Chủ tịch HĐGSNN)

Lưu ý xác định điều kiện giờ giảng theo Thông tư 20 đối với GV thỉnh giảng

Điều kiện tại khoản 3 Điều 4 QĐ 37: GV thỉnh giảng phải thực hiện giờ chuẩn GD quy đổi $\geq 50\%$ định mức giờ chuẩn, trong đó $\geq 1/2$ số giờ chuẩn giảng dạy trực tiếp trên lớp (25% so với Định mức giờ chuẩn của GV cơ hữu) =>

- **Xác định điều kiện giờ giảng theo Thông tư 20 đối với GV thỉnh giảng** trên cơ sở xác nhận tại Mẫu 02 kèm theo minh chứng về Quyết định ban hành định mức giờ chuẩn của CSĐT nơi đến thỉnh giảng;

- Trường hợp ứng viên thỉnh giảng ở nhiều CSĐT, ví dụ xác định ĐK giờ giảng:

Cơ sở Giáo dục đại học	Giờ chuẩn GD trực tiếp trên lớp	Giờ chuẩn GD quy đổi	Định mức giờ chuẩn (GVCH)
CSĐT1	30	50	300
CSĐT2	40	70	290
CSĐT3	45	80	320

+ Điều kiện giờ chuẩn GD quy đổi: $(\frac{50}{300} + \frac{70}{290} + \frac{80}{320}).100\% = 65,8\% > 50\%$

+ ĐK giờ chuẩn GD trực tiếp trên lớp: $(\frac{30}{300} + \frac{40}{290} + \frac{45}{320}).100\% = 37,85\% > 25\%$

G. Một số lưu ý đối với các Biểu mẫu (2)

(Kèm theo công văn số 82/HĐGSNN ngày 18/5/2022 của Chủ tịch HĐGSNN)

Lưu ý xác định điều kiện giờ giảng theo Thông tư 20 đối với GV thỉnh giảng

Điều kiện tại khoản 3 Điều 4 QĐ 37: GV thỉnh giảng phải thực hiện giờ chuẩn GD quy đổi $\geq 50\%$ định mức giờ chuẩn, trong đó $\geq 1/2$ số giờ chuẩn giảng dạy trực tiếp trên lớp (25% so với Định mức giờ chuẩn của GV cơ hữu) =>

- **Xác định điều kiện giờ giảng theo Thông tư 20 đối với GV thỉnh giảng** trên cơ sở xác nhận tại Mẫu 02 kèm theo minh chứng về Quyết định ban hành định mức giờ chuẩn của CSĐT nơi đến thỉnh giảng;
- Trường hợp ứng viên thỉnh giảng ở nhiều CSĐT, ví dụ xác định ĐK giờ giảng:

Cơ sở Giáo dục đại học	Giờ chuẩn GD trực tiếp trên lớp	Giờ chuẩn GD quy đổi	Định mức giờ chuẩn (GVCH)
CSĐT1	30	50	300
CSĐT2	40	70	290
CSĐT3	45	80	320

+ Điều kiện giờ chuẩn GD quy đổi: $(\frac{50}{300} + \frac{70}{290} + \frac{80}{320}).100\% = 65,8\% > 50\%$

+ ĐK giờ chuẩn GD trực tiếp trên lớp: $(\frac{30}{300} + \frac{40}{290} + \frac{45}{320}).100\% = 37,85\% > 25\%$

G. Một số lưu ý đối với các Biểu mẫu (3)

(Kèm theo công văn số 82/HĐGSNN ngày 18/5/2022 của Chủ tịch HĐGSNN)

3. Mẫu số 03. Báo cáo khoa học tổng quan, lưu ý:

- Phần nội dung:

+ Làm rõ các hướng nghiên cứu với các nội dung: Lý do triển khai; phương pháp nghiên cứu; các kết quả NCKH và đào tạo gắn với hướng nghiên cứu => Cần liệt kê STT trong Mẫu 01 các công trình khoa học đã được công bố/công nhận theo từng hướng nghiên cứu, trong đó nêu rõ *Số thứ tự* các CTKH để xét tiêu chuẩn GS/PGS (BBUT, SC/GPHI, GTQT)

+ Phân tích làm nổi bật mối liên hệ chặt chẽ của từng hướng nghiên cứu với các kết quả NCKH và đào tạo trong hướng nghiên cứu đó;

- Phần kết luận:

+ Định hướng nghiên cứu trong tương lai;

+ Khẳng định tiêu chuẩn đã đạt được đáp ứng với Chức danh GS/PGS.

Lưu ý: Các CTKH được tính điểm theo quy định tại khoản 2, 3 Điều 7 Quyết định 37 phải phù hợp với các hướng NC trong BCKHTQ.

G. Một số lưu ý đối với các Biểu mẫu (4)

(Kèm theo công văn số 82/HĐGSNN ngày 18/5/2022 của Chủ tịch HĐGSNN)

4. Mẫu số 05A. Phiếu thẩm định hồ sơ tại HĐGSCS, lưu ý (1):

- **Mục B.4:** Thẩm định cả 6 năm kê khai, không chỉ cho 3 năm cuối (*Lưu ý: Từ ngày 11/9/2020, áp dụng Thông tư số 20/2020/TT-BGDĐT ngày 27/7/2020, điền số giờ định mức theo quy định vào cột 5*);
- **Mục B.6:** Đọc kỹ BCKHTQ, đánh giá các kết quả NCKH và đào tạo theo từng hướng nghiên cứu, đặc biệt là các CTKH là điều kiện xét tiêu chuẩn GS/PGS; kết quả đánh giá là cơ sở để xác định các tiêu chuẩn trong mục 7, 8, 9, 10, 11, 12.
- **Mục B.8, B.10:** Thẩm định các sách và các CTKH, sơ bộ chấm điểm các sách và các CTKH => Cơ sở để khẳng định mức độ đạt theo tiêu chuẩn quy định;

G. Một số lưu ý đối với các Biểu mẫu (4)

(Kèm theo công văn số 82/HĐGSNN ngày 18/5/2022 của Chủ tịch HĐGSNN)

4. Mẫu số 05A. Phiếu thẩm định hồ sơ tại HĐGSCS, lưu ý (2)

- Mục B.8: Thẩm định theo từng quyển sách;
- Mục B.10: Tách các bài báo khoa học ra khỏi các báo cáo khoa học, sơ bộ chấm điểm các CTKH là Điều kiện xét tiêu chuẩn GS/PGS (BBUT, SC/GPHI, GTQT);

Lưu ý: Sách, CTKH phải có trước ngày 01/7/2024; thẩm định kỹ chất lượng các BBKH trên tạp chí thuộc Predatory Journals, Beal list, Open access ...

- **Mục B.11:** Xác định CTKH mà ứng viên là tác giả chính sau PGS/TS;
- **Mục B.12:** XĐ tiêu chuẩn không đủ; sự hợp lý của các CTKH thay thế;
- **Mục C:** Nhận xét và khẳng định mức độ đạt theo tiêu chuẩn quy định.

G. Một số lưu ý đối với các Biểu mẫu (5)

(Kèm theo công văn số 82/HĐGSNN ngày 18/5/2022 của Chủ tịch HĐGSNN)

5. Mẫu số 05B. Phiếu thẩm định hồ sơ tại HĐGSCS đối với các chuyên ngành thuộc Quyết định 25, lưu ý:

- **Mục B.4, Mục B.6:** lưu ý như đối với Mẫu 5A.

- **Mục B.8:** Thẩm định sách của UV và sơ bộ chấm điểm theo quyên;

- **Mục B.10:** Làm rõ số lượng và điểm của các BBKH đăng trên tạp chí uy tín của ngành sau PGS/TS và các BBKH trên tạp chí uy tín của ngành, là tác giả chính sau PGS/TS; thống kê danh mục các BBKH (Bảng 10.1) và danh mục các BCKH (Bảng 10.2).

Lưu ý: + Sách, CTKH phải có trước ngày 01/7/2024; xem xét định dạng của các bài báo KH, có thuộc mục nghiên cứu–trao đổi của các tạp chí?

+ HĐGSCS chấm điểm các CTKH là cơ sở để khẳng định mức độ đạt theo tiêu chuẩn quy định.

- **Mục B.11, B.12:** Xác định điểm bù cho các tiêu chuẩn không đủ; tổng hợp kết quả chấm điểm sau khi đã bù theo quy định (Cơ cấu điểm và tổng số điểm quy đổi; điểm điều kiện).

- **Mục C:** Nhận xét và khẳng định mức độ đạt theo tiêu chuẩn quy định.

G. Một số lưu ý đối với các Biểu mẫu (6)

(Kèm theo công văn số 82/HĐGSNN ngày 18/5/2022 của Chủ tịch HĐGSNN)

8. Mẫu số 08A. Bản trích ngang các tiêu chuẩn của HĐGSCS

- **Cột 11, 12, 13:** Ghi số giờ chuẩn trực tiếp trên lớp/giờ chuẩn quy đổi/số giờ chuẩn định mức trong 3 năm cuối;

- **Cột 25:** Sách CK, chương sách do UV là ch.biên/viết một mình;

- **Cột 33:** Số bài báo KH còn lại; **Cột 34:** Số báo cáo khoa học;

- **Cột 36:** Tác giả chính theo quy định tại Quyết định phê duyệt Danh mục tạp chí KH được tính điểm của Chủ tịch HĐGSNN.

Lưu ý: + Cần ghi chú rõ tên CTKH thay thế cho chuẩn không đủ;

+ Các CTKH được tính điểm theo quy định tại khoản 2, 3 Điều 7 và phù hợp với các hướng nghiên cứu trong BCKH tổng quan;

+ Các CTKH đề xuất thay thế tiêu chuẩn không đủ về HD và đề tài KH không được đưa vào danh mục tính điểm (tránh tính trùng 2 lần);

+ Sách, các CTKH phải có trước ngày 01/7/2024;

+ Thẩm định kỹ chất lượng của các BBKH trên tạp chí thuộc các danh mục *Predatory Journals, Beal list, Open access* ...

G. Một số lưu ý đối với các Biểu mẫu (7)

(Kèm theo công văn số 82/HĐGSNN ngày 18/5/2022 của Chủ tịch HĐGSNN)

9. Mẫu số 08B. Bản trích ngang các tiêu chuẩn của HĐGSCS đối với các chuyên ngành thuộc Quyết định 25, lưu ý:

- **Cột 11, 12, 13:** Như Mẫu 8A;
- **Cột 25:** Sách CK do UV là chủ biên hoặc viết một mình;
- **Cột 32:** Tạp chí uy tín của ngành theo quy định tại QĐ 25;
- **Cột 36:** Tác giả chính theo quy định tại Quyết định phê duyệt Danh mục tạp chí được tính điểm của Chủ tịch HĐGSNN.
- **Cột 38, 39, 40, 41:** Số điểm cần bù cho các tiêu chuẩn không đủ.
- **Cột 42, 43, 44:** Tổng hợp điểm sau khi đã bù, thay thế.

Lưu ý: + Các CTKH được tính điểm theo quy định tại khoản 2, 3 Điều 7 và phù hợp với các hướng NC trong BCKH tổng quan; sách và các BBKH phải được xuất bản trước ngày **01/7/2024**; Xét định dạng của bài báo KH, có thuộc mục nghiên cứu – trao đổi của TC?
+ **HĐGSCS chấm điểm các CTKH là cơ sở để khẳng định mức độ đạt theo tiêu chuẩn quy định.**

G. Một số lưu ý đối với các Biểu mẫu (8)

(Kèm theo công văn số 82/HĐGSNN ngày 18/5/2022 của Chủ tịch HĐGSNN)

12. Mẫu số 12. Biên bản cuộc họp tại HĐGSCS/NLN

Gồm: Biên bản họp xét hồ sơ; Biên bản trình bày báo cáo khoa học tổng quan => Cần ghi chi tiết các diễn biến của cuộc họp:

- Những thảo luận về trách nhiệm, thủ tục, quy trình, quy định để thống nhất làm việc trong Hội đồng;
- Các phát biểu của những người dự họp;
- Những tiêu chuẩn đạt/không đạt của từng ứng viên;
- Các kết luận của Hội đồng;
- Quy trình và kết quả biểu quyết/bỏ phiếu tín nhiệm.

MỘT SỐ LƯU Ý KHÁC (1)

I. Danh mục tạp chí nghi vấn kém chất lượng (để tham khảo)

a) *HĐGS ngành, liên ngành xác định cụ thể trong lĩnh vực chuyên môn của HĐ; tham khảo một số trang web:*

Danh mục Beall's List:

Publishers: <https://beallslist.net/publishers/>

Standalone Journals: <https://beallslist.net/standalone-journals/>

Vanity Press: <https://beallslist.net/vanity-press/>

Hijacked Journals: <https://beallslist.net/hijacked-journals/>

Misleading Metrics: <https://beallslist.net/misleading-metrics/>

b) *Danh mục những tạp chí Predatory Journals:*

<https://predatoryjournals.com/journals/>

MỘT SỐ LƯU Ý KHÁC (2)

II. Xem xét tính liêm chính học thuật

- Tên cơ quan của tác giả bài báo: Kèm đúng tên CQ đang công tác; kèm tên CQ khác; không kèm tên CQ;
- Đăng nhiều bài trong thời gian ngắn, bài báo không tham gia nghiên cứu: Xem xét loại TC đăng bài; bài báo có thuộc hướng nghiên cứu trong BCKH tổng quan; xem xét/phỏng vấn minh chứng liên quan đến bài báo, như về nhóm nghiên cứu, về hợp tác nghiên cứu, vị trí của ứng viên trong nhóm tác giả, ... => *Xác định là NC thực chất của tác giả hay là give auther?*

III. Công văn số 54/HĐGSNN ngày 13/5/2024: V/v xét công nhận đạt tiêu chuẩn chức danh GS, PGS năm 2024.

Xin cảm ơn!